



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ III NĂM 2012**

---

Hải Phòng, tháng 10 năm 2012

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cho Quý III năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Ngô Việt Sơn	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên
Ông Phạm Văn Bằng	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Văn Viện	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

D:02  
C C  
T  
TH  
TIẾ  
QUY



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B 01-DN	
			Cuối kỳ	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>879,438,449,302</b>	<b>960,569,946,784</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>39,579,066,929</b>	<b>49,454,713,518</b>
1. Tiền	111		19,579,066,929	49,454,713,518
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>403,463,963,696</b>	<b>454,014,027,665</b>
1. Phải thu khách hàng	131		387,075,420,769	434,654,781,476
2. Trả trước cho người bán	132		27,685,330,158	22,491,920,534
3. Các khoản phải thu khác	135	5	2,448,603,122	10,624,782,008
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13,745,390,353)	(13,757,456,353)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>433,411,416,215</b>	<b>453,931,587,708</b>
1. Hàng tồn kho	141		433,700,193,245	454,220,364,738
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(288,777,030)	(288,777,030)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,984,002,462</b>	<b>3,169,617,893</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		643,348,022	161,257,061
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	1,197,905,344	1,197,905,344
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,142,749,096	1,810,455,488
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>739,663,010,751</b>	<b>586,802,604,070</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>622,370,068,609</b>	<b>495,436,356,723</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	396,982,675,940	338,337,587,633
- Nguyên giá	222		686,800,809,249	581,694,640,544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289,818,133,309)	(243,357,052,911)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	225,387,392,669	157,098,769,090
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>94,542,130,321</b>	<b>69,658,544,766</b>
1. Đầu tư vào công ty con	252		41,220,097,555	16,336,512,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	253		53,398,200,000	53,398,200,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,600,000,000	1,600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính DH	259		(1,676,167,234)	(1,676,167,234)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22,750,811,821</b>	<b>21,707,702,581</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20,230,586,889	19,187,477,649
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,520,224,932	2,520,224,932
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,619,101,460,053</b>	<b>1,547,372,550,854</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Cuối kỳ	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>567,281,475,189</b>	<b>626,191,011,105</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>549,196,317,219</b>	<b>614,151,282,135</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		421,005,189,249	382,415,025,906
2. Phải trả người bán	312		24,234,350,598	101,402,561,681
3. Người mua trả tiền trước	313		1,858,906,119	3,102,493,618
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	19,839,291,811	17,017,134,519
5. Phải trả người lao động	315		24,079,853,480	26,378,931,586
6. Chi phí phải trả	316	12	31,851,546,497	33,406,667,093
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		21,707,338,445	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	13	3,907,601,760	49,675,062,722
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		712,239,260	753,405,010
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18,085,157,970</b>	<b>12,039,728,970</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,045,429,000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12,039,728,970	12,039,728,970
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>1,051,819,984,864</b>	<b>921,181,539,749</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>1,051,819,984,864</b>	<b>921,181,539,749</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		433,379,960,000	433,379,960,000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,263,974,235	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		347,134,076,608	175,139,331,251
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		43,337,996,000	40,208,144,516
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		226,703,978,021	272,454,103,982
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,619,101,460,053</b>	<b>1,547,372,550,854</b>

16,  
IG  
PH  
U  
IN  
HC  
T.



Phạm Văn Viện  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2012

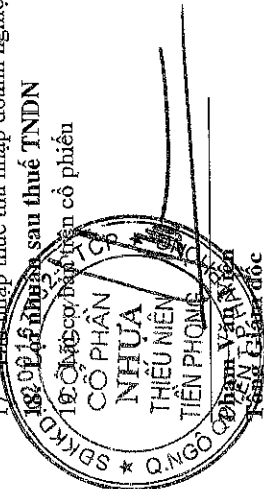
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý III năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 02-DN		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
			Quý này năm nay	Quý này năm trước		
1. Doanh thu bán hàng	01	15	545,550,940,789	520,934,559,653	1,757,702,689,930	940,646,539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,749,435,607	330,771,136	2,710,390,119	1,756,762,043,391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		543,801,505,182	520,603,788,517	1,710,185,081,476	1,191,620,600,576
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		364,225,449,382	359,525,000,192	1,159,455,753,732	565,141,442,815
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179,576,055,800	167,078,788,325	550,729,327,744	15,954,534,318
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	613,479,600	4,465,448,318	3,694,794,165	60,927,222,144
7. Chi phí tài chính	22	16	8,033,952,895	18,658,886,257	31,080,566,202	171,723,528,771
8. Chi phí bán hàng	24		74,600,793,783	52,033,403,303	207,932,759,650	58,585,586,794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19,543,289,279	17,941,980,591	57,654,957,070	289,859,639,424
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78,011,499,443	82,909,966,492	257,755,838,987	1,227,931,999
11. Thu nhập khác	31		192,091,090	(202,518,990)	1,101,791,765	1,394,024,461
12. Chi phí khác	32		406,905,542	11,374,876	731,131,912	(166,092,462)
13. Lợi nhuận khác	40		(214,814,452)	(213,893,866)	370,659,853	289,693,546,962
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	41					72,323,431,741
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77,796,684,991	82,696,072,626	258,126,498,840	217,370,115,221
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	19,449,171,248	20,818,344,639	64,531,624,710	5,016
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		58,347,513,743	61,877,727,987	193,594,874,130	
19. Chi phí tài chính cơ phiếu	70	18	1,346	1,428	4,467	



*Trần Ngọc Bảo*  
Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

*Lưu Thị Mai*  
Lưu Thị Mai  
Người lập

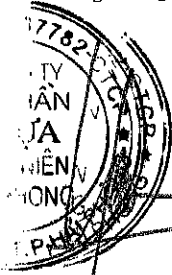
Ngày 19 tháng 10 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Quý III năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77,796,684,991	258,126,498,840	289,693,546,962
2. Điều chỉnh cho các khoản:		23,554,058,309	73,971,719,483	48,148,898,695
- Khấu hao tài sản cố định	02	16,482,076,542	47,426,750,199	29,705,527,684
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(498,731,396)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(874,774,848)	(3,582,768,011)	(5,263,315,304)
- Chi phí lãi vay	06	7,946,756,615	30,626,468,691	23,706,686,315
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD	08	101,350,743,300	332,098,218,323	337,842,445,657
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3,279,689,825	27,614,485,720	(31,046,703,396)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(33,015,851,221)	20,520,171,493	(93,089,464,025)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(63,257,210,748)	(100,682,699,274)	(36,787,915,402)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,470,408,000	(1,291,058)	(4,143,819,286)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7,192,063,864)	(30,626,468,691)	(23,706,686,315)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25,154,502,166)	(51,043,564,945)	(81,331,422,220)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,787,867,557)	(20,988,354,557)	(29,869,261,747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23,306,654,431)	176,890,497,011	37,867,173,266
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(33,414,539,440)	(141,743,288,709)	(144,906,072,376)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	90,000,000	90,000,000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(668,668,000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402,932,628	3,640,366,402	5,295,110,710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32,921,606,812)	(138,681,590,307)	(139,610,961,666)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	389,802,637,348	1,004,377,177,877	1,108,903,655,033
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(277,846,612,132)	(965,787,014,534)	(1,014,689,664,646)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(43,337,996,000)	(86,675,992,000)	(43,337,996,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68,618,029,216	(48,085,828,657)	50,875,994,387
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12,389,767,973	(9,876,921,953)	(50,867,794,013)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27,189,298,956	49,454,713,518	64,618,264,464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	1,275,364	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	39,579,066,929	39,579,066,929	13,750,470,451



Phạm Văn Viện  
Tổng Giám đốc

*Trần Ngọc Bảo*

Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

*Lưu Thị Mai*

Lưu Thị Mai  
Người lập

Ngày 19 tháng 10 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 08 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

**Trụ sở chính:** Số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã được niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2012 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đã hết giai đoạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đúng 25% theo các quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	478,999,123	467,129,871
Tiền gửi ngân hàng	19,100,067,806	48,987,583,647
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	20,000,000,000	
	<b>39,579,066,929</b>	<b>49,454,713,518</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ cho người lao động	817,085,050	8,377,257,625
Cổ tức Công ty Bao bì Tiên Phong		399,820,000
Phải thu khác	1,631,518,072	1,847,704,383
	<b>2,448,603,122</b>	<b>10,624,782,008</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường		13,351,756,175
Nguyên liệu, vật liệu	287,004,579,639	212,229,261,730
Công cụ, dụng cụ	3,015,771,845	3,379,490,687
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33,000,217,933	37,376,546,924
Thành phẩm	110,679,623,828	187,883,309,222
	<b>433,700,193,245</b>	<b>454,220,364,738</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(288,777,030)	(288,777,030)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>433,411,416,215</b>	<b>453,931,587,708</b>

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Thuế nhà thầu nước ngoài nộp thừa	1,197,905,344	1,197,905,344
	<b>1,197,905,344</b>	<b>1,197,905,344</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (phụ lục 01)**

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
XDCB nhà máy tại Quận Dương Kinh, Hải Phòng	177,071,670,361	157,098,769,090
XDCB nhà máy tại Miền Trung	46,373,645,033	-
Khác	1,942,077,275	-
	<b>225,387,392,669</b>	<b>157,098,769,090</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	41,220,097,555	16,336,512,000
Đầu tư vào công ty liên kết	53,398,200,000	53,398,200,000
Đầu tư cổ phiếu dài hạn khác	1,600,000,000	1,600,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1,676,167,234)	(1,676,167,234)
	<b>94,542,130,321</b>	<b>69,658,544,766</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		4,593,937,284
Thuế xuất nhập khẩu	353,787,961	353,787,961
Thuế thu nhập cá nhân	43,844,855	6,115,810,044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,441,658,995	5,953,599,230
	<b>19,839,291,811</b>	<b>17,017,134,519</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	29,517,447,999	29,232,900,110
Phải trả các nhà thầu	1,552,261,000	1,852,261,000
Phải trả chi phí vận chuyển	-	182,965,421
Chi phí phải trả khác	781,837,498	2,138,540,562
	<b>31,851,546,497</b>	<b>33,406,667,093</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2,693,078,014	2,287,138,673
Bảo hiểm xã hội	5,838,381	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3,983,360,000
Cổ tức đợt I năm 2011	-	43,337,996,000
Khác	1,208,685,365	66,568,049
	<b>3,907,601,760</b>	<b>49,675,062,722</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (phụ lục 02)**

**15. DOANH THU**

	Quý III năm 2012	Quý III năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu	545,550,940,789	520,934,559,653
Doanh thu bán sản phẩm	539,915,582,408	514,357,390,470
Doanh thu khác	5,635,358,381	6,577,169,183
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,749,435,607	330,771,136
Hàng bán trả lại	1,749,435,607	330,771,136
Doanh thu thuần	<b>543,801,505,182</b>	<b>520,603,788,517</b>

02/02/2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Trong đó: Doanh thu được phân theo khu vực địa lý và loại hình kinh doanh như sau:*

**Doanh thu theo khu vực địa lý**

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND
Doanh thu bán sản phẩm	539,915,582,408	514,357,390,470
- Trong nước	537,976,473,243	513,412,579,151
- Xuất khẩu	1,939,109,165	944,811,319
Doanh thu khác	5,635,358,381	6,577,169,183
	<b>545,550,940,789</b>	<b>520,934,559,653</b>

**Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh**

Hiện tại Công ty chỉ kinh doanh sản xuất các sản phẩm nhựa xây dựng, chủ yếu là ống cấp thoát nước, chưa có các hoạt động kinh doanh khác.

**16. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	402,932,628	1,835,507,801
Cổ tức được chia		399,820,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	210,546,972	2,230,120,517
	<b>613,479,600</b>	<b>4,465,448,318</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	7,946,756,615	12,862,357,083
Lỗ chênh lệch tỷ giá	87,196,280	5,796,529,174
	<b>8,033,952,895</b>	<b>18,658,886,257</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<b>(7,420,473,295)</b>	<b>(14,193,437,939)</b>

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	77,796,684,991	82,696,072,626
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	77,796,684,991	82,696,072,626
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 25%	77,796,684,991	82,696,072,626
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>19,449,171,247</b>	<b>20,818,344,639</b>

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý III năm 2012 VND	Quý III năm 2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	58,347,513,743	61,877,727,987
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43,337,996	43,337,996
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,346</b>	<b>1,428</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
			VND
Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	28,459,568,773
		Bán hàng	12,122,397,424
Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	924,726,000
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong - SMP	Công ty con	Bán hàng	1,755,745,618
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	124,675,969,879

*Số dư với các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
			VND
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	45,893,541,185
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong - SMP	Công ty con	Bán hàng	163,955,203
Công ty TNHH Hương Minh	Bên liên quan khác	Bán hàng	4,478,393,135
Công ty TNHH-XNK Minh Hải	Bên liên-quan khác	Bán hàng	76,545,637,095
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	361,262,000

16  
IG  
HÁ  
U  
NIÊN  
ION  
PY



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Dưới đây là một số thông tin tài chính cơ bản của các Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 30/06/2012 và Quý II năm 2012:

Tên Công ty	Đơn vị tính	Vốn điều lệ 30/06/2012	Tổng tài sản 30/09/2012	Doanh thu Quý III/2012	Lợi nhuận trước thuế Quý III/2012
Công ty CP nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ 37,78%)	VND	135,000,000,000	220,981,945,202	69,273,436,454	8,324,256,907
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ 49,98%)	VND	2,572,388,871	28,656,876,340	15,404,049,841	709,955,882
Công ty TNHH Liên doanh nhựa Tiền Phong SMP (tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ 83.16%)	USD	2,500,000	2,768,709	244,606	2,457

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Quý III năm 2011.



Phạm Văn Viện  
Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Bảo  
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai  
Người lập

Ngày 19 tháng 10 năm 2012

19/10/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIÊU NIÊN TIÊN PHONG**  
Số 02 An Đà, Ngõ Quyển, Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Phụ lục 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	212,519,028,502	325,753,817,061	33,302,879,539	10,118,915,442	581,694,640,544
Đầu tư XD/CB hoàn thành	23,215,398,902	76,390,851,567	5,501,802,178	2,153,202,432	107,261,255,079
Thanh lý, nhượng bán	-	(479,740,592)	(633,527,600)	-	(1,113,268,192)
Phân loại lại	(3,368,544,801)	(4,023,966,795)	3,807,165,353	2,543,528,061	(1,041,818,182)
Tại ngày 30/09/2012	<b>232,365,882,603</b>	<b>397,640,961,241</b>	<b>41,978,319,470</b>	<b>14,815,645,935</b>	<b>686,800,809,249</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	(22,072,254,121)	(209,592,710,957)	(6,848,648,297)	(4,843,439,536)	(243,357,052,911)
Khấu hao trong kỳ	(12,699,769,241)	(28,532,092,855)	(4,023,177,755)	(2,171,710,348)	(47,426,750,199)
Thanh lý, nhượng bán	-	332,142,201	633,527,600	-	965,669,801
Tại ngày 30/09/2012	(34,772,023,362)	(237,792,661,611)	(10,238,298,452)	(7,015,149,884)	(289,818,133,309)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/09/2012	<b>197,593,859,241</b>	<b>159,848,299,630</b>	<b>31,740,021,018</b>	<b>7,800,496,051</b>	<b>396,982,675,940</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>190,446,774,381</b>	<b>116,161,106,104</b>	<b>26,454,231,242</b>	<b>5,275,475,906</b>	<b>338,337,587,633</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**  
Số 02 An Đà, Ngõ Quyển, Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Quý III năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

**Phụ lục 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp		Vốn khác thuộc chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND			VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2011	216,689,980,000	-	-	-	175,139,331,251	24,608,144,516	362,542,887,494	778,980,343,261	
Tăng vốn	216,689,980,000	-	-	-	-	-	(216,689,980,000)	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	261,315,817,858	261,315,817,858	
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	-	(86,675,992,000)	(86,675,992,000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	15,600,000,000	(43,440,000,000)	(27,840,000,000)	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	457,370,630	457,370,630	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(5,056,000,000)	(5,056,000,000)	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>433,379,960,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>175,139,331,251</b>	<b>40,208,144,516</b>	<b>272,454,103,982</b>	<b>921,181,539,749</b>	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	193,594,874,130	193,594,874,130	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	171,994,745,357	-	(171,994,745,357)	-	
Công bố chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(43,337,996,000)	(43,337,996,000)	
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	3,129,851,484	(3,129,851,484)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17,987,507,250)	(17,987,507,250)	
Khác	-	1,263,974,235	-	-	-	-	(2,894,900,000)	(1,630,925,765)	
<b>Số dư tại ngày 30/09/2012</b>	<b>433,379,960,000</b>	<b>1,263,974,235</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>347,134,076,608</b>	<b>43,337,996,000</b>	<b>226,703,978,021</b>	<b>1,051,819,984,864</b>	